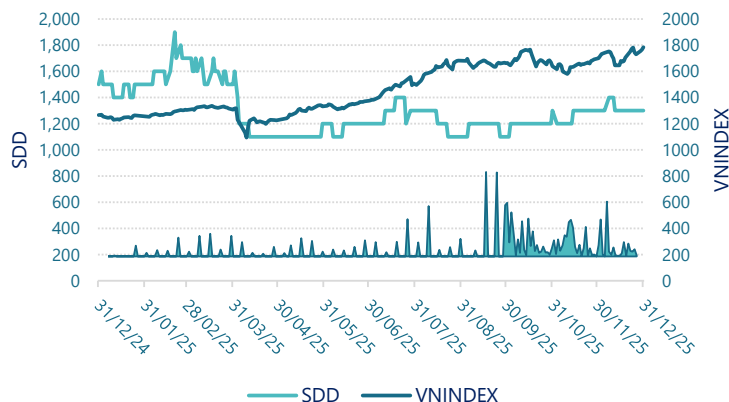


CTCP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (UPCOM: SDD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	1,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,100
SL cổ phiếu LH	16,007,334
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,395
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21
P/E	-1.9
EPS	-692

DT thuần

Q4/25

3.82

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.45 | -10.6%

YoY: ▼0.26 | -6.4%

LN sau thuế

Q4/25

-3.29

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.00 | -155%

YoY: ▼0.73 | -28.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-24.9%

+/- YoY: ▲ 45.9%

DT thuần

2025

11.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.30 | -10.4%

LN sau thuế

2025

-11.1

tỷ VNĐ

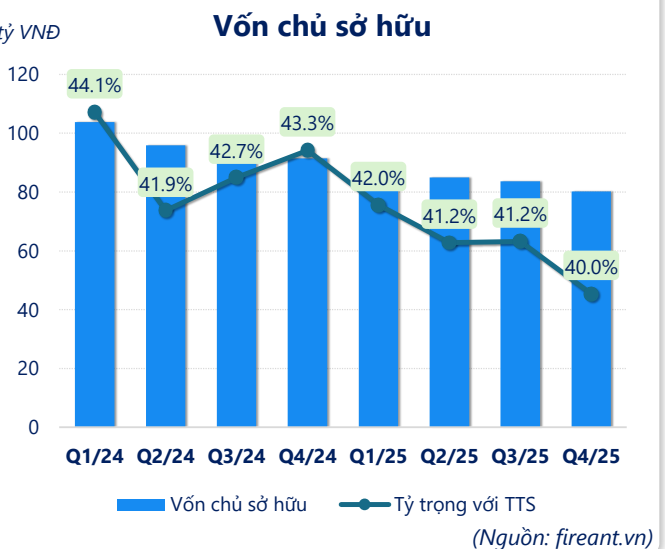
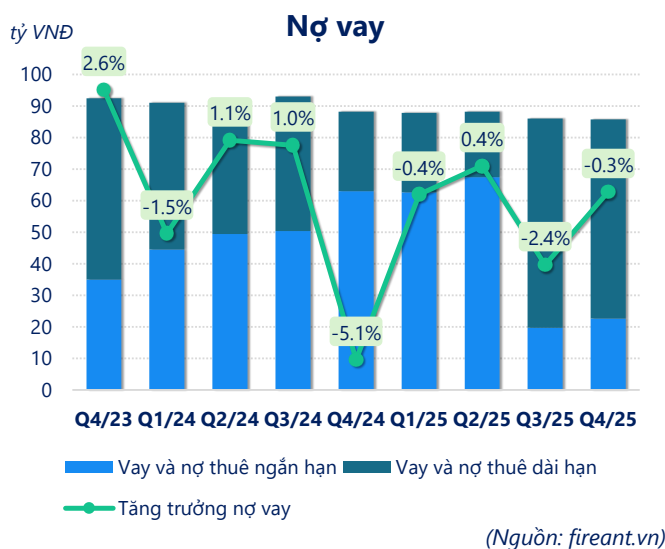
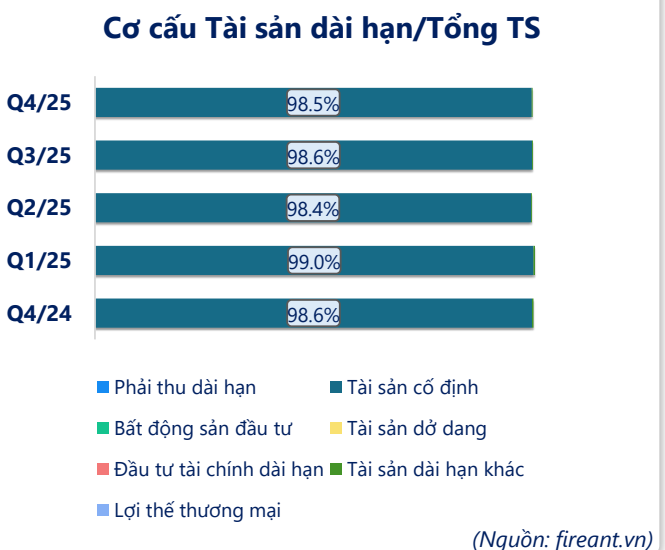
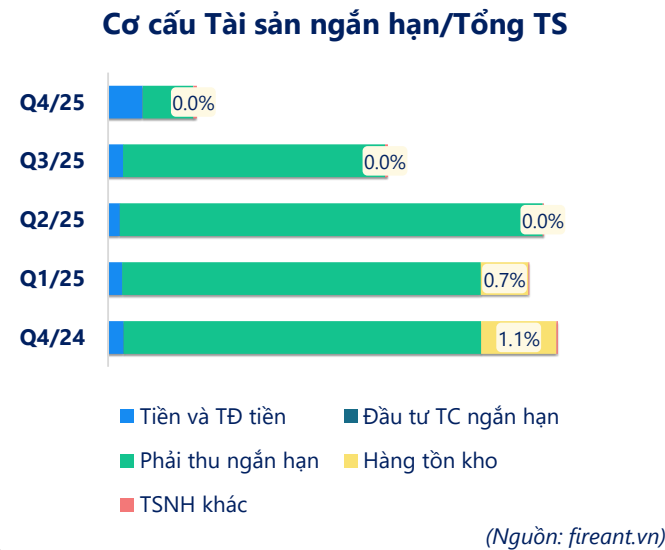
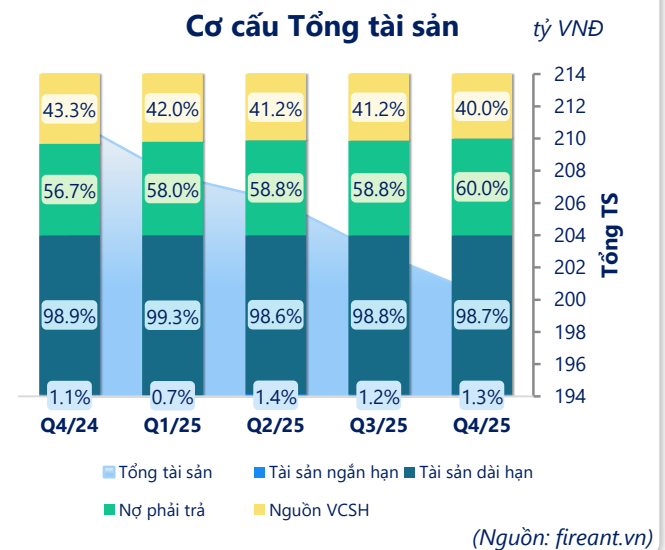
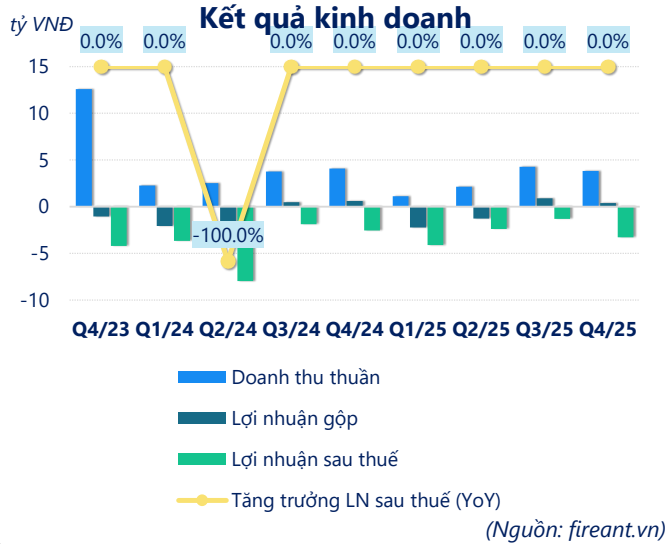
YoY: ▲ 5.00 | 31.0%

ROE

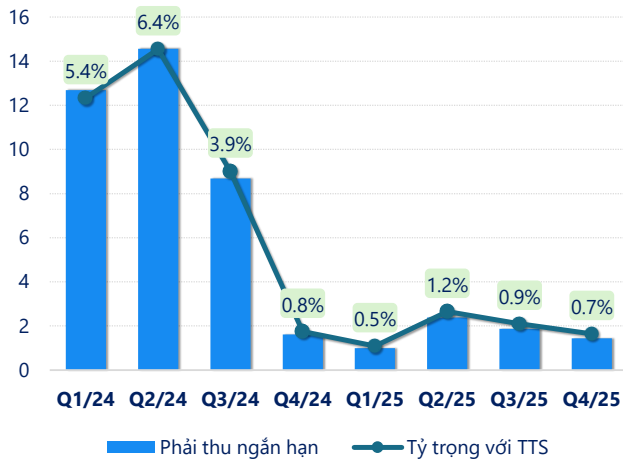
2025

-12.9%

+/- YoY: ▲ 3.2%

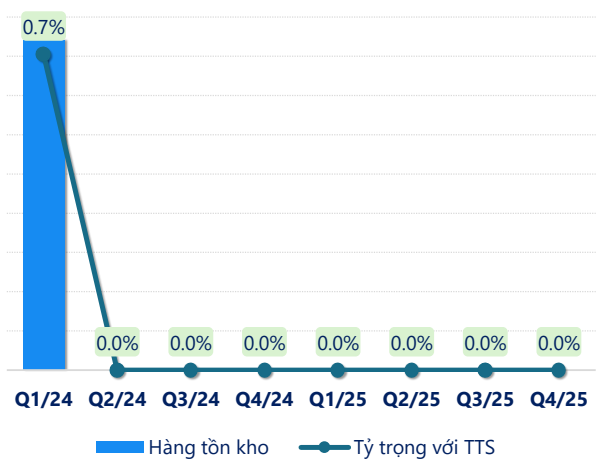


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


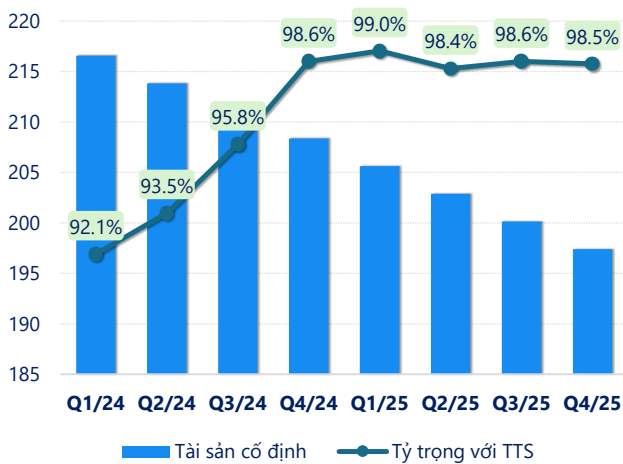
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


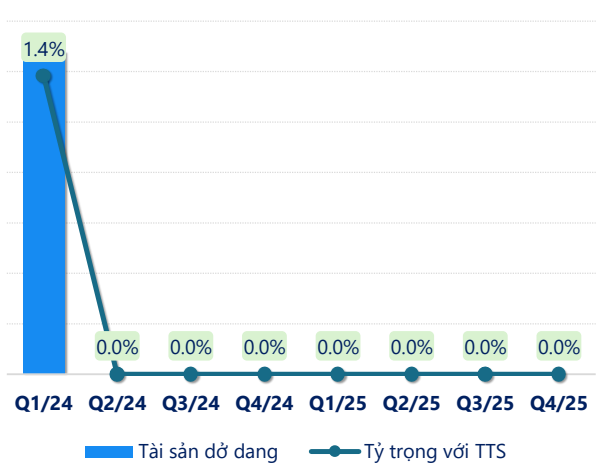
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

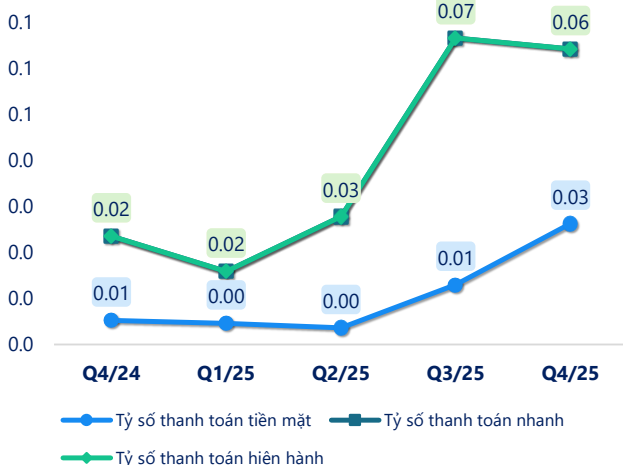
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

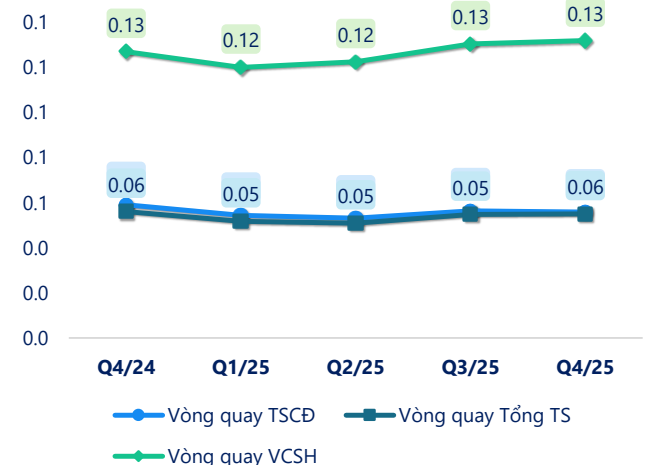
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	211	208	206	203	200
Tài sản ngắn hạn	2.23	1.51	2.80	2.34	2.54
Tiền và tương đương tiền	0.50	0.44	0.36	0.46	1.04
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phải thu ngắn hạn	1.61	0.99	2.39	1.87	1.44
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.08	0.04	0.01	0.05
Tài sản dài hạn	209	206	203	201	198
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	208	206	203	200	197
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.66	0.58	0.51	0.44	0.37
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	120	120	121	119	120
Nợ ngắn hạn	94.6	95.2	101	35.1	39.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.0	62.6	67.4	19.7	22.7
Phải trả người bán ngắn hạn	11.9	11.6	10.5	9.62	8.79
Nợ dài hạn	25.2	25.2	20.7	84.1	80.6
Vay và nợ thuê dài hạn	25.2	25.2	20.7	66.3	63.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	91.4	87.3	84.9	83.6	80.2
Vốn chủ sở hữu	91.4	87.3	84.9	83.6	80.2
Vốn điều lệ	160	160	160	160	160
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)